

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số Bản án: 181/2024/DS-ST
Ngày 08/11/2024
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan
Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 324/2024/TLST-DS ngày 03/10/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2024/QĐXXST-DS ngày 22/10/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969 và bà Lê Thị T, sinh năm 1972, cùng địa chỉ: số 127, ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Đỗ Minh T1, sinh năm 1980, địa chỉ: số 368, ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa ông K, bà T, ông T1 đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T cùng trình bày như sau:

Do có quen biết nhau nên vào năm 2022 ông K, bà T có bán thức ăn chăn nuôi gà cho ông T1 theo hình thức bao chuồng. Ban đầu, hai bên thỏa thuận là ông K, bà T sẽ giao thức ăn chăn nuôi cho ông T1 và ghi vào sổ theo dõi việc giao hàng (có ký nhận), đến mỗi đợt bán gà (mỗi lứa gà khoảng 04 tháng sẽ xuất chuồng) ông T1 sẽ trả tất tiền nợ cho ông K, bà T rồi ông K, bà T lại giao hàng tiếp cho ông T1 chăn nuôi. Ông T1 nhiều lần xuất chuồng bán gà nhưng không trả đủ tiền thức ăn cho ông K và bà T. Đến ngày 06/12/2023, hai bên tổng kết sổ, ông T1 còn nợ ông K, bà T số tiền 304.218.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu, hai trăm mười tám nghìn).

Sau đó ông K, bà T vẫn bán thức ăn theo hình thức bao chuồng cho ông T1 bảy gà số 1, bảy gà số 2 tổng cộng là 4.600 con gà và bảy gà số 3, số 4 tổng cộng 4000 con gà. Sau khi ông T1 bán hai bảy gà số 1 và số 2 này ông T1 chỉ thanh toán cho ông K, bà T 01 phần và còn nợ lại số tiền 152.748.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn) đồng. Khi bán bảy gà số 3 và số 4 ông T1 trả 01 phần và còn thiếu ông K, bà T số tiền 30.167.000 (ba mươi triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng. Như vậy, đến ngày 27/01/2024 số tiền ông T1 còn thiếu ông K, bà T là 487.133.000 đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu, một trăm ba mươi ba nghìn). Ông K, bà T đã ngưng giao thức ăn và thông báo về số nợ này cho ông T1. Ông K, bà T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền nợ nhưng ông T1 chưa thanh toán. Do đó, ông K, bà T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Minh T1 có nghĩa vụ trả cho ông K, bà T số tiền là 487.133.000 đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu, một trăm ba mươi ba nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Đối với việc ông T1 cho rằng việc chăn nuôi đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, ông bà không đồng ý. Nếu trả dần, ông bà chỉ tạo điều kiện cho trả làm 02 lần, trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hôm nay. Nếu ông T1 không đồng ý thỏa thuận thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên toà bị đơn ông Đỗ Minh T1 trình bày như sau:

Ông T1 thống nhất với lời trình bày của ông K, bà T về các khoản tiền, các mốc thời gian trong việc mua bán thức ăn chăn nuôi gà giữa các bên, đồng thời ông T1 cũng thừa nhận và đồng ý trả cho ông K, bà T số tiền ông còn thiếu nợ tiền từ việc mua thức ăn chăn nuôi gà của ông K, bà T là 487.133.000 đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu, một trăm ba mươi ba nghìn đồng). Hiện ông vẫn chăn nuôi gà nhưng do giá gà sụt giảm nên thua lỗ, không có tiền trả nợ.

Ông xin trả dần số nợ trên mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi hết nợ. Ông không có khả năng trả số nợ trên làm hai lần trong thời hạn 01 năm như ý kiến của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông K, bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả tiền mua bán thức ăn còn nợ. Bị đơn ông T1 có nơi cư trú tại ấp Hòa Trị, xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Minh T1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ còn thiếu của các lần mua bán thức ăn chăn nuôi là 487.133.000 (bốn trăm tám mươi bảy triệu, một trăm ba mươi ba nghìn) đồng và không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: bản chính Giấy cam kết trả nợ và bản chính 01 Sổ theo dõi ghi mỗi lần giao thức ăn, có ghi số tiền mỗi đợt giao và số tiền còn nợ lại qua các đợt mua bán thức ăn. Bị đơn ông T1 thừa nhận còn nợ bà T và ông K số tiền 487.133.000 (bốn trăm tám mươi bảy triệu, một trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Theo thỏa thuận của hai bên, bên mua có trách nhiệm trả số tiền thức ăn sau mỗi đợt bán gà. Hiện đã quá thời hạn thỏa thuận trả tiền nêu trên. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Hiện tại do hoàn cảnh khó khăn nên ông T1 xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa, các bên không thỏa thuận được phương án trả dần, nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận. Hội đồng xét xử chỉ tuyên buộc ông T1 có trách nhiệm trả tổng số tiền còn nợ cho ông K và bà T.

Ghi nhận ông K, bà T không yêu cầu tính lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.485.320 (hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi) đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông K, bà T được chấp nhận, vì vậy ông T1 có trách nhiệm nộp số tiền án phí nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2; khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 280, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Đỗ Minh T1. Buộc ông Đỗ Minh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T số tiền mua thức ăn còn nợ là 487.133.000 đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu, một trăm ba mươi ba nghìn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đỗ Minh T1 có trách nhiệm nộp số tiền 23.485.320 (hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.742.000 (mười một triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001777 ngày 27/9/2024.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan